

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Chỉ số VN-Index tăng điểm từ đầu phiên, có thời điểm chạm mức cao nhất 1,805.93, trước khi giảm điểm đột ngột vào cuối phiên do nhóm cổ phiếu nhà Vin điều chỉnh mạnh. Kết phiên, chỉ số đóng cửa tại mức 1,742.85 điểm, giảm 39.97 điểm (-2.24%) so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 14/18 nhóm ngành giảm điểm, trong đó ngành Bất động sản giảm điểm mạnh nhất, với mức giảm gần 6%. Liên quan đến khối ngoại, các nhà đầu tư nước ngoài mua ròng trên sàn HSX, và bán ròng trên hai sàn còn lại. Hiện tại, chỉ số có nhịp giảm điểm mạnh khi chạm mức kháng cự 1,800 điểm, cùng với đó là sự quay đầu đột ngột đến từ nhóm cổ phiếu họ nhà Vin, nhà đầu tư vẫn nên duy trì chủ động quản lý rủi ro và giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 25/12/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-39.97** điểm, đóng cửa tại **1742.85** điểm. HNX-Index **-1.62** điểm, đóng cửa tại **250.98** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **MCH (+2.64)**, **VJC (+1.82)**, **GAS (+1.74)**, **BID (+0.63)**, **VCB (+0.19)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-18.90)**, **VHM (-7.23)**, **TCB (-1.46)**, **VPL (-1.16)**, **VRE (-1.13)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **20,515** tỷ đồng, giảm **-2.40%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 26,688 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 63.08 điểm. Thị trường có **87** mã tăng, 46 mã tham chiếu, **238** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **606.56** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (118.63 tỷ)**, **STB (117.39 tỷ)**, **MCH (99.82 tỷ)**, **VJC (84.69 tỷ)**, **VPL (75.11 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-37.14** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-1.68%**. Các mã diễn biến tích cực:
BID (+1.04%) [\(Link báo cáo\)](#)
HSG (+0.94%) [\(Link báo cáo\)](#)
VCB (+0.18%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-1.13%**. Các mã diễn biến tích cực:
VJC (+6.53%)
GAS (+4.69%) [\(Link báo cáo\)](#)
GMD (+0.83%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-1.68%	-1.13%	-2.24%	-2.32%
1 tuần	3.07%	1.45%	3.93%	3.82%
1 tháng	1.00%	-0.36%	4.97%	3.49%
3 tháng	-2.24%	-7.22%	4.95%	6.67%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,742.85	250.98	120.15
% 1D	-2.24%	-0.64%	0.21%
GTKL (tỷ VND)	20,515	1,174	581
%1D	-2.40%	6.39%	1.60%
GDNN (tỷ VND)	606.56	-37.14	-2.92

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	118.63	GMD	-48.58
STB	117.39	DGC	-48.57
MCH	99.82	VIX	-25.93
VJC	84.69	HAG	-25.00
VPL	75.11	NLG	-16.59

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

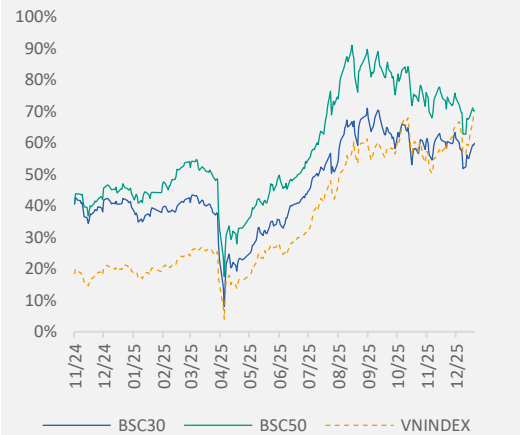
		%D	%W
SPX	6,932	0.32%	3.13%
FTSE100	9,871	-0.19%	0.99%
Eurostoxx	5,749	0.24%	0.37%
Shanghai	3,960	0.47%	2.15%
Nikkei	50,408	0.13%	2.82%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	62.26	-0.04%
Giá vàng	4,481	-0.49%
Tỷ giá		
USD/VND	26,389	-0.05%
EUR/VND	31,784	-0.24%
JPY/VND	173	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.2%	0.02%
LS LNH 1M	7.6%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

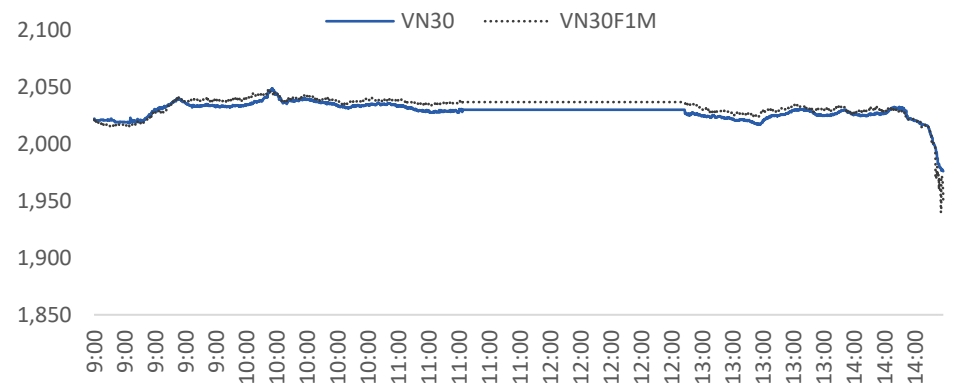
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G1000	1950.00	-3.56%	278,427	-0.7%	15/01/2026	21
41I1G6000	1980.00	-0.96%	36	-12.2%	18/06/2026	175
41I1G1000	1950.00	-3.56%	278,427	-0.7%	15/01/2026	21
41I1G3000	1979.70	-1.16%	79	14.49%	19/03/2026	84

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -46.92 điểm, đóng cửa tại 1976.21 điểm. Biên độ dao động 72.94 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VHM, MWG, STB, VRE tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Chỉ số VN30 quay đầu giảm điểm sau khi phản ứng với vùng kháng cự 2,040 điểm. Khuyến nghị các nhà đầu tư thận trọng trước sự giảm điểm này.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ 41I1G3000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CTPB2511	26/05/2026	152	250,800	21.29%	19.50	1,120	119.6%	0.74	20.62	17.00	17.00
CLPB2509	25/06/2026	182	34,800	42.89%	56.33	460	53.3%	0.14	60.01	42.00	42.00
CVRE2527	26/05/2026	152	205,800	23.47%	35.60	2,110	49.6%	1.04	39.82	32.25	32.25
CVHM2521	25/05/2026	151	147,200	133.08%	115.68	3,400	38.2%	0.00	142.88	61.30	61.30
CVHM2522	25/06/2026	182	327,100	29.63%	117.69	3,810	26.6%	1.34	148.17	114.30	114.30
CVJC2507	26/05/2026	152	242,300	5.28%	188.00	3,520	25.7%	3.19	223.20	212.00	212.00
CVIC2517	26/05/2026	152	2,800	16.46%	122.50	12,300	23.7%	7.91	184.00	158.00	158.00
CVRE2518	4/05/2026	130	52,800	19.07%	29.00	2,350	23.7%	1.24	38.40	32.25	32.25
CVHM2518	4/05/2026	130	127,300	16.99%	91.00	5,340	23.3%	3.25	133.72	114.30	114.30
CVHM2519	25/05/2026	151	71,500	25.65%	108.20	5,060	21.9%	2.05	143.62	114.30	114.30
CVHM2520	23/07/2026	210	2,600	31.36%	111.90	7,650	21.2%	2.89	150.15	114.30	114.30
CVJC2506	25/06/2026	182	14,200	9.10%	167.80	6,350	21.2%	4.96	231.30	212.00	212.00
CVRE2521	23/07/2026	210	6,800	35.13%	35.70	3,940	20.5%	1.34	43.58	32.25	32.25
CSSB2504	23/02/2026	60	1,000	42.96%	23.12	420	20.0%	0.00	24.80	17.35	17.35
CVRE2516	23/06/2026	180	981,100	17.83%	26.00	6,000	18.8%	3.80	38.00	32.25	32.25
CSSB2506	3/02/2026	40	17,100	20.66%	20.56	190	18.8%	0.01	20.94	17.35	17.35
CVRE2520	23/06/2026	180	4,600	26.42%	32.70	2,690	17.5%	1.17	40.77	32.25	32.25
CVRE2512	20/05/2026	146	577,900	13.98%	23.50	6,630	17.1%	4.71	36.76	32.25	32.25
CVRE2511	13/04/2026	109	206,600	15.78%	21.50	7,920	16.0%	5.55	37.34	32.25	32.25
CVRE2522	20/05/2026	146	2,800	20.31%	25.00	6,900	15.6%	4.07	38.80	32.25	32.25

Nguồn: BSC

- Chú thích:** Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 25/12/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
 - CTPB2511 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 119.61%. CVRE2516 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 4.88%.
 - CVHM2521, CVRE2526, CDGC2501, CVRE2525, CFPT2503 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2511, CVIC2513, CVIC2514, CVHM2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30			
	Giá	±Giá (%)	Điểm
VJC	212.00	6.53%	6.21
GAS	69.20	4.69%	0.66
MSN	76.30	0.13%	0.14
BID	38.80	1.04%	0.08
VCB	57.10	0.18%	0.07

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30			
	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	158.00	-6.95%	-11.22
VHM	114.30	-6.92%	-7.38
MWG	86.00	-2.27%	-3.65
STB	55.90	-4.77%	-3.53
VRE	32.25	-6.93%	-3.42

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MCH	223.50	5.03%	2.64	1.06
VJC	212.00	6.53%	1.82	0.59
GAS	69.20	4.69%	1.74	2.41
BID	38.80	1.04%	0.63	7.02
VCB	57.10	0.18%	0.19	8.36

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	68.80	1.18%	0.43	0.90
DHT	71.80	1.99%	0.08	0.09
HTC	33.90	9.71%	0.03	0.02
NFC	57.60	4.54%	0.02	0.02
MVB	15.60	1.96%	0.02	0.11

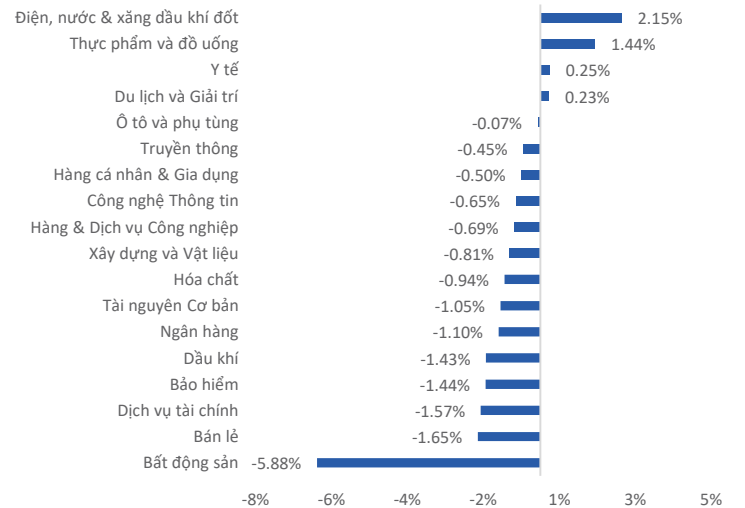
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HRC	27.60	6.98%	0.01	0.00
TNT	7.25	6.93%	0.01	1.74
PET	33.25	6.91%	0.06	2.16
SVI	39.55	6.89%	0.01	0.00
LM8	15.95	6.69%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HTC	33.90	9.71%	0.23	0.00
EBS	11.50	9.52%	0.05	0.00
V12	11.80	9.26%	0.05	0.00
VC6	22.90	7.51%	0.08	0.00
PGT	8.00	6.67%	0.02	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	158.00	-6.95%	-18.90	7.73
VHM	114.30	-6.92%	-7.23	4.11
TCB	34.00	-2.72%	-1.46	7.09
VPL	99.00	-2.94%	-1.16	1.79
VRE	32.25	-6.93%	-1.13	2.27

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	32.40	-3.57%	-0.35	0.51
PVI	86.00	-2.27%	-0.27	0.23
SHS	21.30	-1.84%	-0.21	0.90
HUT	16.00	-1.84%	-0.19	1.07
CEO	22.30	-2.19%	-0.16	0.57

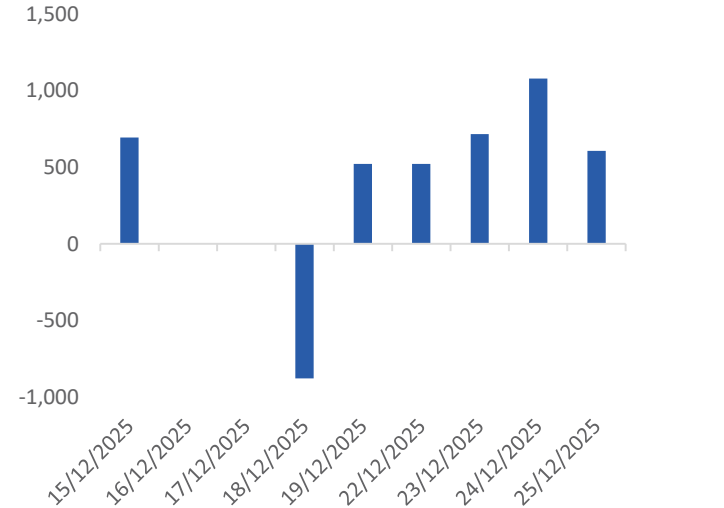
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SVD	5.08	-6.96%	0.00	0.05
VIC	158.00	-6.95%	-19.38	10.38
VRE	32.25	-6.93%	-1.16	17.13
STG	34.95	-6.92%	-0.05	0.00
VHM	114.30	-6.92%	-7.44	10.73

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PSC	10.40	-9.57%	-0.03	0.00
ALT	11.80	-7.81%	-0.02	0.00
VTC	14.00	-7.28%	-0.02	0.05
PV2	2.60	-7.14%	-0.03	0.08
PTD	8.00	-6.98%	-0.01	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	86.0	-2.3%	1.2	129,224	709.6	3,956	22.2	106,000	47.0%	Link
KBC	Bất động sản	33.5	-2.1%	1.4	32,161	176.2	1,872	18.2	46,000	10.2%	Link
KDH	Bất động sản	32.2	-2.4%	1.3	36,977	109.6	857	38.4	39,900	28.1%	Link
PDR	Bất động sản	19.5	-2.7%	1.9	20,006	206.3	211	95.0	28,200	8.4%	Link
VHM	Bất động sản	114.3	-6.9%	1.0	504,390	1357.2	6,133	20.0	119,600	8.9%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	93.0	-0.6%	0.6	159,448	460.1	5,280	17.7	118,700	38.8%	Link
BSR	Dầu khí	15.9	-1.6%	0.0	80,868	86.3	413		23,200	1.0%	Link
PVS	Dầu khí	32.4	-3.6%	1.5	17,184	170.9	2,841	11.8	42,800	14.0%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.9	-1.5%	1.3	25,109	180.5	1,353	17.2		34.1%	
SSI	Dịch vụ tài chính	30.5	-2.7%	1.4	78,096	524.1	1,864	16.8		32.8%	
VCI	Dịch vụ tài chính	34.4	-3.5%	1.2	30,306	278.3	1,582	22.5		14.8%	
DCM	Hóa chất	32.0	-0.3%	1.2	16,994	31.4	3,578	9.0	47,300	3.6%	Link
DGC	Hóa chất	64.6	-0.6%	1.1	24,686	371.8	8,296	7.8	109,300	7.4%	Link
ACB	Ngân hàng	24.0	-1.2%	0.9	124,821	176.2	3,385	7.2	28,400	28.6%	Link
BID	Ngân hàng	38.8	1.0%	0.8	269,620	144.2	3,781	10.2	49,500	17.1%	Link
CTG	Ngân hàng	35.0	-0.9%	1.2	274,174	550.0	4,292	8.2	53,500	25.6%	Link
HDB	Ngân hàng	27.6	-1.1%	1.2	139,397	598.3	2,824	9.9	34,400	23.6%	Link
MBB	Ngân hàng	25.0	-1.2%	1.2	203,791	556.4	3,017	8.4	29,300	21.2%	Link
MSB	Ngân hàng	12.4	-1.6%	1.0	39,312	257.8	1,729	7.3	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	55.9	-4.8%	1.1	110,662	1103.4	6,519	9.0		14.5%	
TCB	Ngân hàng	34.0	-2.7%	1.2	247,664	435.8	3,111	11.2	41,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.0	-2.3%	1.2	48,268	108.2	2,358	7.4	-	24.8%	Link
VCB	Ngân hàng	57.1	0.2%	0.8	476,273	245.2	4,202	13.6	73,200	21.2%	Link
VIB	Ngân hàng	17.8	-0.6%	0.9	60,932	164.3	2,225	8.1	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	28.8	-1.9%	1.3	232,464	868.6	2,603	11.3	35,650	24.5%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.3	-1.1%	1.2	203,784	1089.1	1,876	14.2	33,170	19.9%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.1	0.9%	1.5	9,874	38.9	1,178	13.5	19,800	4.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.8	-2.1%	1.1	10,930	138.0	4,150	6.8	28,800	2.1%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	76.3	0.1%	1.3	110,179	247.1	2,196	34.7	98,300	22.6%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.3	-0.3%	0.5	128,532	147.0	4,160	14.8	64,500	50.7%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	39.6	-1.00%	1.3	8,847	43.8	2,410	16.6	22.0%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	146.0	-0.41%	0.7	24,966	38.9	3,620	40.5	32.4%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	55.3	-1.25%	1.0	41,570	21.1	3,578	15.7	26.8%	11.3%	
DIG	Bất động sản	17.8	-2.20%	1.6	14,495	161.6	523	34.8	3.4%	4.4%	
DXG	Bất động sản	17.6	-3.03%	1.6	20,190	161.3	399	45.5	25.8%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	23.5	-3.29%	1.6	4,854	85.6	3,057	8.0	3.1%	25.2%	
HDG	Bất động sản	28.0	-2.27%	1.6	10,599	68.0	938	30.5	20.6%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	36.8	-1.08%	1.5	14,117	366.2	4,849	7.7	11.4%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	31.0	-1.59%	1.4	15,281	52.3	2,213	14.2	44.7%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	51.5	-1.72%	1.1	12,687	14.8	5,474	9.6	3.1%	28.2%	
SZC	Bất động sản	29.4	-1.18%	1.2	5,355	7.5	1,763	16.9	2.5%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	18.9	-0.79%	1.7	17,330	115.1	801	23.7	12.2%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	158.0	-6.95%	0.9	1,308,484	1705.5	1,147	148.0	3.1%	6.2%	Link
VRE	Bất động sản	32.3	-6.93%	1.2	78,736	613.8	2,144	16.2	13.8%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	35.0	-0.57%	1.2	7,453	8.2	1,833	19.2	38.2%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	35.1	-0.28%	0.8	44,661	66.2	2,090	16.8	14.7%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	26.5	-4.16%	1.1	15,370	156.6	1,602	17.3	10.3%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	33.5	-0.30%	1.3	11,642	81.1	1,262	26.6	25.0%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.4	-1.49%	1.7	17,653	83.3	1,664	16.1	3.5%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	69.2	4.69%	0.9	159,496	252.8	5,014	13.2	1.9%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.6	-1.18%	1.2	39,115	171.5	680	18.8	4.6%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.4	0.66%	0.6	33,041	15.9	4,776	12.8	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	212.0	6.53%	0.8	117,731	730.8	2,897	68.7	7.4%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	43.0	-2.27%	1.8	39,706	691.7	2,313	19.0	8.2%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	60.5	0.83%	1.2	25,590	104.1	3,497	17.2	42.0%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	60.0	-1.64%	1.0	10,301	472.8	6,185	9.9	7.2%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.4	-2.65%	1.0	8,882	33.4	2,090	9.0	9.6%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	97.3	-0.51%	0.0	11,910	32.8	3,139	31.2	4.7%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	95.4	-0.42%	1.1	32,682	125.3	6,913	13.9	49.0%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	26.8	0.00%	0.9	3,003	24.2	2,535	10.6	48.5%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	17.8	-1.11%	1.5	2,317	9.9	2,861	6.3	16.1%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	22.2	-0.89%	1.2	15,196	37.9	1,212	18.4	3.6%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	25.7	-1.35%	1.3	104,000	26.8	1,569	16.6	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	22.0	-1.79%	1.2	41,725	118.7	1,635	13.7	2.9%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	42.0	-1.87%	0.4	127,856	1187.9	3,469	12.3	0.9%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.3	-1.38%	0.0	24,877	64.1	2,337	6.2	1.6%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.1	-0.41%	0.9	32,356	35.0	1,460	8.3	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.0	-1.64%	1.4	6,803	46.6	571	26.6	5.0%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	26.7	-0.56%	1.3	7,149	27.5	2,829	9.5	4.5%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	37.1	0.27%	0.5	11,249	129.8	1,715	21.6	3.4%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	48.2	-1.23%	0.5	62,589	64.7	3,373	14.5	58.6%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	53.0	-1.12%	1.0	12,031	27.0	6,944	7.7	19.4%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	175.0	-0.62%	0.2	14,416	20.2	14,639	12.0	85.2%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	77.5	-1.02%	1.2	8,339	25.6	6,245	12.5	48.9%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	84.0	0.60%	1.1	9,551	18.7	5,128	16.3	4.9%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	39.0	-4.41%	1.4	4,113	49.6	3,037	13.4	5.5%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	13.3	0.52%	1.3	6,715	71.3	1,106	12.2	10.2%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.0	-0.68%	1.0	9,089	38.8	1,377	16.0	12.6%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	23.2	-1.07%	1.0	15,160	118.1	6,148	3.8	4.5%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	41.2	-0.12%	1.4	18,472	42.0	3,090	13.3	2.6%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
3	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
4	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
5	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
7	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
15	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
16	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
17	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>